

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57/2021/DSST**

Ngày: 29-4-2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Dương Minh Dũng

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 đến ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: phường An K, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Mộng Tịnh T

Địa chỉ: phường Tân A, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày và yêu cầu:*

Vào ngày 10/7/2018, thông qua mối quan hệ quen biết bạn bè, bà C có cho bà Đỗ Mộng Tịnh T vay số tiền 60.000.000 đồng, bà T hẹn trả mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi hết nợ, bà T có viết một biên nhận mượn nợ để đảm bảo cho khoản tiền vay.

Tuy nhiên, đến ngày 17/7/2020, bà T chỉ trả cho bà được 10.000.000 đồng. Bà

đã nhiều lần đến nhà đòi tiền và có gửi đơn lên Tổ hòa giải Công an phường Tân A, quận N thì bà T hứa hẹn và có trả thêm cho bà số tiền 2.000.000 đồng, sau đó thì không trả thêm nữa.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều giải quyết buộc bà Đỗ Mộng Tịnh T trả cho bà số tiền vay còn nợ lại là 48.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh từ ngày 17/7/2019 đến khi bà T trả hết nợ theo mức lãi suất 1%/tháng.

*- Bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên Tòa:

Bà Trần Thị C vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Mộng Tịnh T trả cho bà số tiền nợ vay còn nợ lại là 48.000.000 đồng; yêu cầu được tính lãi từ ngày 17/7/2020 đến khi bà T trả hết nợ; riêng mức lãi suất bà yêu cầu được tính theo mức 10%/năm chứ không phải 1%/tháng theo như đơn khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.;

- Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà T nhưng bà T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử là đúng quy định.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Mộng Tịnh T trả số tiền nợ vay còn lại là 48.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tính từ ngày 17/7/2019 đến khi bà T thanh toán dứt nợ. Bà T dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt xem như từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có đủ căn cứ kết luận, bà T có vay của bà C 60.000.000 đồng, đã trả được 12.000.000 đồng, còn nợ lại 48.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bà C là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà C trình bày đã làm thất lạc bản gốc Biên bản hòa giải của tổ hòa giải ngày 09/5/2019 và Tờ cam kết ngày 09/10/2029 thể hiện nội dung bà T còn nợ lại 48.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C có trách nhiệm tự tiêu hủy các văn bản này khi tìm được bản gốc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Mộng Tịnh T trả cho bà số tiền vay còn nợ là 48.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/7/2019 đến khi bà T trả dứt nợ. Đây được xác định là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản

được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Tân A, quận N, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T: xét thấy rằng Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà T để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nhưng bà T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 10/7/2018, thông qua mối quan hệ quen biết bạn bè, bà Trần Thị C có cho bà Đỗ Mộng Tịnh T vay số tiền 60.000.000 đồng, bà T hẹn trả mỗi ngày 100.000 đồng cho đến khi hết nợ và có lập tờ Biên nhận có chữ ký và ghi tên Đỗ Mộng Tịnh T giao cho bà C cất giữ để làm tin (BL 19).

Quá trình thực hiện giao dịch, thì bà T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho bà C như thỏa thuận, tại Biên bản hòa giải của tổ hòa giải được lập tại nhà văn hóa khu vực 2, phường Tân An (BL 13,14), trước yêu cầu của bà C về việc đòi số tiền 50.000.000 đồng còn nợ, bà T cho rằng bà có mượn của bà C 20.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng là chị Hồ Thị Lan T mượn, bà C lấy tiền lời là 20.000.000 đồng, tất cả là 60.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày này; bà C và bà T cùng thống nhất bà T đã góp được 02 lần với số tiền 11.960.000 đồng, bà T đồng ý góp tiếp 1.000.000 đồng/tháng đến khi hết số tiền 50.000.000 đồng, bắt đầu góp từ ngày 9 hàng tháng, từ 09/6/2019. Đến ngày 09/10/2019 bà T có lập tiếp Tờ cam kết thừa nhận còn nợ lại bà C 48.000.000 đồng, và sẽ góp từ 10-6-2019 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết số tiền 48.000.000 đồng (BL 03).

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận rằng bà Đỗ Mộng Tịnh T còn nợ lại bà C số tiền 48.000.000 đồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T để giải quyết nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt, xem như bà Tờng từ bỏ quyền trình bày cũng như quyền tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị C, cần buộc bà Đỗ Mộng Tịnh T trả số tiền nợ vay còn nợ lại 48.000.000 đồng.

Xét về yêu cầu của bà C về việc tính lãi với mức lãi suất 10%/năm từ ngày 17/7/2019 đến khi bà T trả dứt nợ. Thấy rằng, tại biên bản hòa giải của tổ hòa giải ngày 09/5/2019, bà T thừa nhận còn nợ lại 50.000.000 đồng, cam kết sẽ góp mỗi tháng 1.000.000 đồng cho bà C (tính từ ngày 09/6/2019) nhưng chỉ góp tiếp được số tiền 2.000.000 đồng, sau đó thì không góp tiếp nữa, nên việc bà T yêu cầu tính lãi từ ngày 17/7/2019 là có căn cứ xem xét chấp nhận. Thấy rằng, tại các biên nhận nợ hai

bên không thể hiện việc tính lãi suất nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 thì mức lãi suất 10%/năm mà bà C yêu cầu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Như vậy số tiền lãi mà bà T phải trả cho bà C tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/4/2019) là: 21 tháng 12 ngày X 48.000.000 đồng X 10%/năm = 8.560.000 đồng.

Ngoài ra, tại phiên Tòa ngày 27/4/2019, Hội đồng xét xử đã yêu cầu bà C cung cấp bản gốc của Biên bản hòa giải ngày 09/5/2019 của Tổ hòa giải và Tờ cam kết ngày 09/10/2019 vì trong hồ sơ chỉ có bản photo, Hội đồng xét xử đã tạm dừng phiên tòa đến ngày 29/4/2019 để bà C cung cấp nhưng bà C không cung cấp được bản chính vì cho rằng gia đình có tang sự (chồng bà mất) nên đã để thất lạc các giấy tờ trên và cam kết sẽ tự thiêu hủy nếu sau này có tìm thấy. Do vậy, để tránh trường hợp đương sự dùng cùng 01 tài liệu, chứng cứ khởi kiện nhiều lần, Hội đồng xét xử thấy cần thiết buộc bà C có trách nhiệm tự tiêu hủy Biên bản hòa giải của tổ hòa giải khu vực 2, phường Tân An ngày 09/5/2019 và Tờ cam kết ngày 09/10/2019 khi tìm được bản gốc của các văn bản này.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T.

- Buộc bà Đỗ Mộng Tịnh T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị C tổng số tiền nợ vay và lãi là 56.560.000 đồng. Trong đó tiền nợ vay là 48.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 17/7/2019 đến ngày 29/4/2021 là 8.560.000 đồng.

- Trường hợp bà Đỗ Mộng Tịnh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Trần Thị C thì còn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Buộc bà Trần Thị C có trách nhiệm tự tiêu hủy khi tìm thấy bản gốc Biên bản hòa giải ngày 09/5/2019 của tổ hòa giải khu vực 2, phường Tân An, quận Ninh Kiều và Tờ cam kết ngày 09/10/2019 có chữ viết, ký của bà Đỗ Mộng Tịnh T thừa

nhận còn nợ bà C 48.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn bà Đỗ Mộng Tịnh T phải chịu 2.828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Trần Thị C được nhận lại số tiền 1.332.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002812 ngày 15/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- VKSND quận Ninh Kiều;
- TAND TP.CT;
- Chi cục THADS.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**PHẠM THỊ BÉ HIỀN**